

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/DS-PT

Ngày: 24-12-2024

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thao – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” do có kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn đối với bản án số 12/2024/DSST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2024/QĐXXPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2024/QĐPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hà Văn Đ, sinh năm 1955

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Hà Văn Đ1, sinh năm 1982

Cùng nơi cư trú tại: Số nhà B, đường T, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Ông Hà Quang H, sinh năm 1971

Người đại diện theo uỷ quyền:

- Anh Hà Minh C, sinh năm 2000

Cùng nơi cư trú tại: Số nhà D, phố A, tổ dân phố A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Thái Bình

- Chị Tổng Thị Thúy H1. Địa chỉ: Tầng B tòa nhà M, số B phố S, phường N, quận Đ, thành phố Hà nội.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hà Thị T, sinh năm 1950. Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình;

3.2. Bà Hà Thị L, sinh năm 1958. Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Thái Bình;

3.3. Bà Hà Thị N, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình;

3.4. Bà Hà Thị L1, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Thái Bình;

3.5. Bà Dương Thị N1, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Số nhà D, phố A, tổ dân phố A, thị trấn K, huyện K tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà N1: Chị Tổng Thị Thúy H1

Có mặt: Ông Đ, anh C, chị H1

Vắng mặt: Bà L1, bà N, bà L, bà T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn – ông Hà Văn Đ, trình bày*

Bố mẹ ông là cụ Hà Quang H2, chết ngày 27/8/1999 và cụ bà Trần Thị C1, chết ngày 05/10/1994; bố mẹ ông sinh được 9 người con là: Hà Thị T, Hà Thị T (con) đã chết khi còn nhỏ, Hà Văn Đ, Hà Quang Đ2 (đã chết khi còn nhỏ), Hà Thị L, Hà Thị T1 (đã chết khi còn nhỏ), Hà Thị N, Hà Thị L1 và Hà Quang H. Bố mẹ ông không có con riêng, không nhận nuôi con nuôi, trước khi chết bố mẹ ông không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ tài chính gì, chi phí mai táng cho hai cụ do anh chị em cùng đóng góp trong đó ông chịu trách nhiệm chính.

Di sản của bố mẹ ông để lại là quyền sử dụng 488m² đất ở, theo tờ bản đồ số 46, bản đồ 04 đo năm 1991 là thửa 1059 đứng tên cụ Hà Quang H2, trên đất có nhà lợp ngói, nhà bếp lợp rạ.

Về quá trình sử dụng đất: Khi bố mẹ ông còn sống, bố mẹ ông là người quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất trên. Sau khi bố mẹ ông qua đời, ông Hà Quang H là người quản lý toàn bộ di sản, đã phá bỏ nhà ngói và bếp xây dựng nhà mái bằng, bếp, công trình phụ như hiện nay. Theo bản đồ V thửa đất

trên nay là thửa 400, diện tích 605,8m² trong đó có 360m² đất ở và 245,8m² đất trồng cây lâu năm.

Năm 2023, các anh chị em trong gia đình họp bàn tại nhà ông có sự chứng kiến của các con, cháu nội ngoại thống nhất làm nhà thờ để thờ cúng tổ tiên, bố mẹ trên diện tích đất bố mẹ ông để lại, với nội dung: Toàn bộ diện tích đất trên sẽ chia cho hai người, ông H được quyền sử dụng diện tích đất được tính từ phần đất phía Đông giáp ngõ nhà ông Đ3 đến bờ dậu nhà ông H (trên đất này có toàn bộ các tài sản do ông H đã xây dựng); ông Đ được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất còn lại, tính từ bờ dậu nhà ông H đến hết phần đất về phía Tây giáp đường xuống cánh đồng (toàn bộ phần đất này là đất vườn). Có sự thoả thuận này là do khi còn sống bố ông đã nói phần đất của ông được tính từ chân móng nhà ông H nhưng do ông H đã xây cổng dậu trên phần đất của ông nên ông H nhất trí đổi phần đất ông H mua thêm giáp đường xuống cánh đồng của UBND xã A (cũ) cho ông nhằm giữ nguyên hiện trạng ngõ và cổng cho ông H.

Tháng 3/2024, ông khởi công xây dựng nhà thờ, ông H vui vẻ và cũng tham gia xây dựng cùng, hiện nay nhà thờ đã hoàn thiện, ông chuyển sang xây nhà ngang, bếp (trên phần đất ông H mua thêm và nhất trí với các anh chị em trong gia đình là đổi cho ông) phục vụ cho các con cháu về sinh hoạt trong các dịp lễ, tết, giỗ thì vợ chồng ông H ngăn cản, đề nghị chia di sản của bố mẹ theo quy định của pháp luật.

Vì ông H thay đổi thoả thuận nên ông làm đơn khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện Kiến Xương giải quyết chia di sản thừa kế như sau:

Các chị em gồm bà Hà Thị T, bà Hà Thị L, bà Hà Thị N, bà Hà Thị Lê T2 biên bản họp gia đình ngày 20/4/2024 có xác nhận của tổ trưởng tổ dân phố và UBND thị trấn K, đã nhất trí nhường phần di sản của mình được hưởng cho ông để xây dựng nhà thờ và nhà ở nên theo quy định của pháp luật thừa kế, di sản là 488m² được chia đều cho 6 người con ở hàng thừa kế thứ nhất, mỗi suất thừa kế được hưởng 81,3m². Ông được hưởng 5 suất x 81,3m² = 406,6m². Ông đề nghị được hưởng di sản bằng hiện vật là diện tích đất tính từ chân móng nhà ông H đến phần đất phía Tây giáp phần đất ông H mua để có ngõ đi vào nhà thờ. Vì trước khi xây nhà thờ ông H nhất trí đổi đất như ông đã trình bày ở trên nên nhà thờ xây sát tường dậu nhà ông H, nay ông H thay đổi thoả thuận, dẫn đến nhà thờ không có lối đi vào, không có đất để xây dựng các công trình phụ trợ, còn ông H có thể đi ngõ ở phía Đông.

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Hà Văn Đ1 nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không bổ sung gì.*

** Bị đơn – ông Hà Quang H trình bày:*

Ông H xác định về thời gian bố mẹ chết như ông Đ đã trình bày là đúng. Bố mẹ ông có 06 người con chung như ông Đ đã trình bày. Bố mẹ ông không có con riêng, không nhận nuôi con nuôi, trước khi chết bố mẹ ông không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ tài chính gì, chi phí mai táng cho hai cụ do anh chị em cùng đóng góp trong đó ông chịu trách nhiệm chính. Do ông là con út nên ông sinh sống cùng bố mẹ tại ngôi nhà lợp ngói của bố mẹ, năm 1997, được sự đồng ý của bố (lúc này mẹ ông đã chết) nên vợ chồng ông đã phá nhà cũ đi, xây nhà mới là nhà mái bằng kiên cố, sau khi xây xong nhà thì vợ chồng ông xây cổng tại vị trí cổng cũ, đến năm 2012 thì mở rộng cổng như hiện tại. Đến năm 2019 thì bố ông chết, không để lại di chúc hay dặn dò gì. Từ đó đến nay ngoài việc tôn tạo, giữ gìn, trông nom, quản lý di sản của bố mẹ ông để lại thì vợ chồng ông còn làm đúng trọn trách nhiệm, nghĩa vụ của người con đối với bố mẹ. Gần đây, ông Hà Văn Đ có nguyện vọng làm nhà thờ trên diện tích đất của bố mẹ ông để lại, các anh chị em trong gia đình đã họp và thống nhất xây nhà thờ trên phần diện tích đất còn lại của bố mẹ để lại và đã tiến hành xây dựng. Tuy nhiên, do phát sinh một số mâu thuẫn giữa ông Đ và ông nên việc thống nhất xây nhà thờ không tiếp tục được thực hiện. Việc ông Đ khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, tuy nhiên, ngôi nhà gia đình ông đang sinh sống do vợ chồng ông xây dựng bằng kinh phí của vợ chồng và được sự đồng ý của bố ông khi còn sống, quá trình xây dựng, tu sửa, nâng cấp nhà và cổng không ai có ý kiến hay tranh chấp gì.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Hà Minh C nhất trí với lời trình bày của bị đơn, không bổ sung gì.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị N1 nhất trí với lời trình bày của ông H, không bổ sung gì.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hà Thị T, bà Hà Thị N và bà Hà Thị Lê Đ4 trình bày:*

Các bà xác định về thời gian bố mẹ chết như ông Đ và ông H đã trình bày là đúng. Bố mẹ ông có 06 người con chung như ông Đ, ông H đã trình bày. Bố mẹ các bà không có con riêng, không nhận nuôi con nuôi, trước khi chết bố mẹ các bà không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ tài chính gì, chi phí mai táng cho hai cụ do anh chị em cùng đóng góp.

Di sản của bố mẹ các bà để lại là quyền sử dụng 488m² đất ở, theo tờ bản đồ số 46, bản đồ 04 đo năm 1991 là thửa 1059 đứng tên cụ Hà Quang H2, trên đất có nhà lợp ngói, nhà bếp lợp rạ. Sau khi bố mẹ các bà qua đời, ông Hà Quang H là người quản lý toàn bộ di sản, đã phá bỏ nhà ngói và bếp xây dựng nhà mái bằng, bếp, công trình phụ như hiện nay. Năm 2023, các anh chị

em trong gia đình họp bàn có sự chứng kiến của các con, cháu nội ngoại thống nhất làm nhà thờ để thờ cúng tổ tiên, bố mẹ trên diện tích đất bố mẹ các bà để lại, với nội dung: Toàn bộ diện tích đất trên sẽ chia cho hai người, ông H được quyền sử dụng diện tích đất được tính từ phần đất phía Đông giáp ngõ nhà ông Đ3 đến bờ dậu nhà ông H (trên đất này có toàn bộ các tài sản do ông H đã xây dựng); ông Đ được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất còn lại, tính từ bờ dậu nhà ông H đến hết phần đất về phía Tây giáp đường xuống cánh đồng (toàn bộ phần đất này là đất vườn). Có sự thoả thuận này là do khi còn sống bố các bà đã nói phần đất của ông được tính từ chân móng nhà ông H nhưng do ông H đã xây cổng dậu trên phần đất của ông nên ông H nhất trí đổi phần đất ông H mua thêm giáp đường xuống cánh đồng của UBND xã A (cũ) cho ông nhằm giữ nguyên hiện trạng ngõ và cổng cho ông H. Tháng 3/2024, khởi công xây dựng nhà thờ, ông H vui vẻ và cũng tham gia xây dựng cùng, hiện nay nhà thờ đã hoàn thiện, ông Đ chuyển sang xây nhà ngang, bếp (trên phần đất ông H mua thêm và nhất trí với các anh chị em trong gia đình là đổi cho ông Đ) phục vụ cho các con cháu về sinh hoạt trong các dịp lễ, tết, giỗ thì vợ chồng ông H không nhất trí, ngăn cản, thách thức đề nghị chia di sản của bố mẹ theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, các bà đề nghị Tòa án chia cho các bà được hưởng di sản bằng hiện vật là quyền sử dụng đất, phần di sản được hưởng theo quy định pháp luật các bà nhường cho ông Đ để xây dựng nhà thờ như nội dung biên bản họp gia đình ngày 20/4/2024, các bà không yêu cầu ông Đ phải thanh toán bằng giá trị.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hà Thị L trình bày:*

Bà L xác định về thời gian bố mẹ chết như ông Đ đã trình bày là đúng. Bố mẹ ông có 06 người con chung như ông Đ đã trình bày. Bố mẹ bà không có con riêng, không nhận nuôi con nuôi, trước khi chết bố mẹ bà không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ tài chính gì. Di sản của bố mẹ bà để lại là quyền sử dụng 488m² đất ở, theo tờ bản đồ số 46, bản đồ 04 đo năm 1991 là thửa 1059. Hiện nay, ông Hà Văn Đ khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ bà để lại theo pháp luật, bà là hàng thừa kế thứ nhất nên được hưởng 01 kỷ phần di sản. Bà đề nghị Tòa án chia cho bà được hưởng di sản bằng hiện vật là 01 kỷ phần đối với quyền sử dụng đất mà bố mẹ bà để lại, bà nhường phần di sản được hưởng này cho ông H, bà không yêu cầu ông H phải thanh toán bằng giá trị.

** Nội dung xác minh tại địa phương:*

Nguồn gốc diện tích 605,8m² đất (gồm 488m² và 117,8m²) của thửa đất số 400, tờ bản đồ số 04 gồm 488m² của cụ Hà Quang H2 và cụ Trần Thị C1

để lại và 100m² do ông Hà Quang H mua năm 2006, việc ông H mua đất là hợp pháp, đã được UBND huyện K ban hành quyết định giao đất làm nhà ở. Hiện trạng diện tích đất ông H mua là 117,8m² (tăng thêm 17,8m²), lý do của việc tăng thêm là sai số trong quá trình đo đạc. Diện tích 488m² đất có tứ cận: Phía bắc giáp đường giao thông dài 27,75m; phía Nam giáp nhà ông Đ3, ông Đ5 dài 30,71m; phía Đông giáp nhà ông Đ3 dài 16,96m; phía Tây giáp đất ông H mua dài 19,72m.

Trong diện tích 488m² đất của các cụ để lại có 360m² đất ở và 128m² đất vườn. Vị trí đất ở nằm tại khu vực đã có công trình xây dựng nhà ở, công trình phụ từ nhiều năm trước, đất vườn nằm ở vị trí còn lại. Diện tích đất do ông H và bà N1 đang sử dụng là 309,1m², trên đất có 01 nhà mái bằng 02 tầng, miếu, bể nước và các công trình phụ là diện tích đất ở, còn lại là đất vườn. Diện tích ông Đ đang sử dụng là 178,9m², trong đó: Diện tích đất ở là phần diện tích đã xây dựng nhà thờ, còn lại là đất vườn.

** Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện:*

1. Về đất: Thửa đất số 400, tờ bản đồ số 04 có tổng diện tích là 622m². Trong đó: 488m² đất do cụ H2 và cụ C1 để lại và 134m² đất do ông H mua năm 2006. Trong diện tích

488m² có 360m² đất ở và 128m² đất vườn. Diện tích đất do ông H và bà N1 đang sử dụng là 309,1m², diện tích đất do ông Đ đang sử dụng xây nhà thờ là 178,9m². Diện tích 488m² đất có tứ cận: Phía Bắc giáp đường giao thông dài 27,75m; phía Nam giáp nhà ông Đ3, ông Đ5 dài 30,71m; phía Đông giáp nhà ông Đ3 dài 16,96m; phía Tây giáp đất ông H mua dài 19,72m.

2. Về tài sản trên đất:

2.1. Tài sản trên đất do ông H và bà N1 đang sử dụng, gồm: 01 nhà mái bằng 02 tầng, diện tích xây dựng là 122,4m², tầng 01 xây năm 1997, tầng 02 xây năm 2021; 01 nhà ngang diện tích 29,2m² xây dựng năm 2003; bể nước 5,5m³ xây năm 2003; 01 miếu tu sửa lần 3 năm 2021; mái tôn làm năm 2024; 01 cổng hai cánh bằng sắt làm năm 2012; 02 trụ cổng cao 3,2m có kích thước (60x60)cm, lõi bê tông có kích thước (20x20)cm, mái bê tông chéo lợp ngói có diện tích 5,76m²; ngõ và sân nền bằng bê tông dày 5cm lát gạch đỏ; 01 cây xoài cao 5m, đường kính gốc 45cm, trồng năm 2005; tường ngăn xây gạch 10cm, dài 17,50m, cao 0,3m.

2.2. Tài sản trên diện tích 178,9m² do ông Đ sử dụng xây nhà thờ, gồm: 01 nhà thờ xây năm 2024, diện tích 42m²; sân nền bê tông làm năm 2024, diện tích.

** Biên bản định giá tài sản:*

1. Về đất:

1.1. Đất ở: $360\text{m}^2 \times 1.500.000\text{đ/m}^2 = 540.000.000$ đồng.

1.2. Đất vườn: $128\text{m}^2 \times 45.000\text{đ/m}^2 = 5.760.000$ đồng.

2. Tài sản trên đất:

2.1. Tài sản trên diện tích đất do ông H và bà N1 đang sử dụng:

- Nhà mái bằng 02 tầng có giá trị: 234.369.000 đồng.

- Nhà ngang, bể nước xây dựng năm 2003 đã khấu hao hết giá trị.

- Miếu T3 lần 3 năm 2021 có giá trị: 462.000 đồng.

- Mái tôn có diện tích $45,4\text{m}^2$ làm năm 2024 có giá trị: 31.471.000 đồng.

- Cổng xây năm 2012 đã khấu hao hết giá trị.

- Sân lát gạch đỏ, diện tích $91,8\text{m}^2$, làm năm 2021 có giá trị: 18.220.000 đồng.

- Ngõ lát gạch đỏ, diện tích $48,3\text{m}^2$, xây năm 2021 có giá trị: 9.587.000 đồng.

- Tường bao xây gạch 10cm, cao 0,3m, dài 17,50m, xây năm 2021 có giá trị: 754.000 đồng.

2.2. Tài sản trên diện tích đất do ông Đ sử dụng xây nhà thờ:

- Nhà thờ mái lợp ngói, diện tích 42m^2 , xây dựng năm 2024 có giá trị: 126.347.000 đồng.

- Sân bê tông diện tích $136,9\text{m}^2$ có giá trị: 23.537.000 đồng.

Bản án số 12/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ các Điều 147; 203; 235; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 609; 611; 612; 613; 623; 649; 650; 651; 660; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; điểm đ Khoản 1 Điều 12; Điều 24; Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, cụ thể:

1. Chia cho ông Hà Văn Đ được sử dụng diện tích $227,2\text{m}^2$ đất, trong đó có $167,60\text{m}^2$ đất ở và $59,60\text{m}^2$ đất vườn; có tứ cận: Phía Bắc giáp đường bê tông dài 12,02m; phía Nam giáp nhà ông Đ5, ông Đ3 dài 12,39m; phía Đông giáp phần đất chia cho ông H dài 18,33m; phía Tây giáp đất ông H mua dài 19,43m; tại thửa số 400, tờ bản đồ số 14; địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Thái Bình (có sơ đồ thửa đất kèm theo).

2. Chia cho ông Hà Quang H được sử dụng diện tích $260,8\text{m}^2$ đất, trong đó có $192,40\text{m}^2$ đất ở và $68,40\text{m}^2$ đất vườn; có tứ cận: Phía Bắc giáp đường bê tông dài 12,99m; phía Nam giáp nhà ông Đ5, ông Đ3 dài 16,13m; phía

Đông giáp ngõ ông Đ3 dài 16,96m; phía Tây giáp phần đất chia cho ông Đ dài 18,33m; tại thửa số 400, tờ bản đồ số 14; địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Thái Bình (có sơ đồ thửa đất kèm theo).

3. Ông Hà Quang H phải thanh toán cho ông Hà Văn Đ số tiền là 47.387.400 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2024 ông Hà Văn Đ kháng cáo bản án sơ thẩm, ông đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chia cho ông Đ được hưởng toàn bộ di sản bằng hiện vật để có đất sử dụng làm một số công trình phục vụ cho việc thờ cúng tổ tiên.

Ngày 03/10/2024 ông Hà Văn H3 kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được về giải quyết vụ án.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn – ông Hà Quang H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Dương Thị N1 là chị Tống Thị Thúy H1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm do có sự vi phạm trong quá trình: xem xét, thẩm định, định giá tài sản; thu thập, xem xét, đánh giá, chứng cứ về thửa đất đang tranh chấp; đưa thiếu người tham gia tố tụng; áp dụng không đúng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm để phân chia di sản thừa kế là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và không thể khắc phục được tại phiên tòa Phúc thẩm.

Ông Đ trình bày : Với những chứng cứ mà luật sư nêu ở trên tôi đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ quy định pháp luật để giải quyết triệt để.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở Tòa án cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung cần thiết phải thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến nguồn gốc thửa đất mà nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế và bổ sung người tham gia tố tụng để giải quyết toàn diện nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng

như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Hà Văn Đ và ông Hà Văn H3 làm trong thời hạn kháng cáo nên kháng cáo là hợp lệ, được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về việc thu thập chứng cứ: Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xác minh về đất nông nghiệp được giao của hộ cụ H1, cụ C1 tại UBND thị trấn K, kết quả:

1. Theo Quyết định 652 ngày 17/11/1993 của UBND tỉnh T về việc giao đất nông nghiệp, hộ gia đình cụ Hà Quang H2, cụ Trần Thị C1 được giao 4 khẩu đất nông nghiệp sử dụng ổn định, gồm: cụ Hà Quang H2, cụ Trần Thị C1, ông Hà Quang H (con trai), bà Dương Thị N1 (vợ ông H), mỗi khẩu được chia 684m², tổng diện tích 04 khẩu là: 2.736m². Về vị trí đất nông nghiệp được giao tại thời điểm đó, UBND thị trấn không có tài liệu lưu trữ.

2. Theo Quyết định 948 ngày 25/9/2000 của UBND tỉnh T về việc giải quyết những thiếu sót, tồn tại trong quản lý, sử dụng đất vào xây dựng cơ bản, làm nhà ở, điều chỉnh việc giao đất nông nghiệp thì: Hộ ông Hà Quang H được giao bổ sung thêm 03 khẩu gồm: ông Hà Quang H, bà Dương Thị N1, ông Hà Trung H4 (con ông H, bà N1), mỗi khẩu được giao 80m², tổng 03 khẩu 948 là 240m². Hai cụ Hà Quang H2 và cụ Trần Thị C1 đã chết trước năm 2000 nên không được chia bổ sung.

Như vậy sau khi được giao bổ sung đất nông nghiệp theo Quyết định 948, hộ gia đình ông H gồm có: 4 khẩu 652 và 3 khẩu 948. Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao theo tiêu chuẩn là $2736 + 240 = 2.976 \text{ m}^2$.

Về vị trí đất nông nghiệp được giao: Theo biểu thông kê hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình cá nhân sau dồn điền đổi thửa xóm 6, xã A lập năm 2002, tổng diện tích đất nông nghiệp được giao sử dụng ổn định tính theo mặt bằng của hộ ông H là 3072m² gồm:

- 128 m² đất vườn vượt hạn mức đất ở thuộc thửa đất số 1059, tờ bản đồ số 3, đo năm 1991

- 2.944 m² đất lúa chia ngoài đồng.

Trong đó, diện tích 128m² đất vườn vượt hạn mức đất ở được quy đổi vào 32m² đất lúa theo tỷ lệ 1m² lúa = 4m² vườn. Việc quy đổi này được thực hiện theo Phương án giải quyết những thiếu sót tồn tại trong quản lý sử dụng đất vào xây dựng cơ bản, làm nhà ở và điều chỉnh giao đất bổ sung nông nghiệp ổn định lâu dài cho hộ gia đình cá nhân của xã A ngày 12/3/2001 khi thực hiện Quyết định 948.

3. Hiện nay, diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình ông H là 2.896 m², gồm 128m² đất vườn và 2.768m² đất lúa ngoài đồng, giảm 176m² đất lúa do hiến đất làm đường giao thông nội đồng khi thực hiện dồn điền đổi thửa năm 2011. Hộ gia đình ông H vẫn đang quản lý và sử dụng.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chưa thu thập đầy đủ chứng cứ về tiêu chuẩn đất nông nghiệp của anh Hà Trung H4 đã được quy đổi 1 phần vào diện tích 128m² đất vườn. Để đảm bảo quyền lợi của các đương sự cần phải đưa anh Hà Trung H4 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án; thu thập các tài liệu chứng cứ, chứng minh nguồn gốc đất đối với diện tích 128m² đất vườn bao nhiêu m² là di sản của hai cụ và bao nhiêu m² là đất nông nghiệp của anh H4.

[2.1] Trên đây là những chứng cứ mà cấp phúc thẩm không bổ sung được nên cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật. Các nội dung kháng cáo khác của đương sự do bản án bị hủy về tố tụng nên không xem xét kháng cáo.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310, khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

2. Án phí: Nguyên đơn – ông Hà Văn Đ và bị đơn – ông Hà Quang H không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả lại ông H số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0002228 ngày 15 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được xác định khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 24/12/2024./.

Nơi nhận:

-VKSND tỉnh Thái Bình;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Tòa án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

Nguyễn Thị Kim Hằng